

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đảm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thống
2. Ông Lê Minh Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Ông Võ Minh Thoại – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn N3, xã N2, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đội 2, xóm T, khu vực C, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Trước khi cưới, chị và anh Nguyễn Hữu H không có tìm hiểu nhau mà chỉ thông qua mai mối. Hai bên tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND xã N1, huyện A (nay là phường N1, thị xã A). Sau khi cưới, chị và

anh H sống chung nhà với cha mẹ chồng tại xóm T, thôn C, xã N1 (nay là khu vực C, phường N1). Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc. Tuy nhiên, vào năm 2004, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H cờ bạc, cá độ đá bóng gây nợ nần. Chị có khuyên nhưng bị anh H đánh đập và xúc phạm. Mâu thuẫn vợ chồng tiếp diễn nên mặc dù chị đã cố gắng chịu đựng 15 năm nay nhưng giờ chị không thể chịu đựng nổi nữa. Khoảng tháng 01/2018, chị và anh H sống ly thân. Trong thời gian này, anh H mong muốn chị quay trở về sống chung nhưng chị không đồng ý. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Hữu H2, sinh ngày: 15/6/2004. Hiện nay Cháu H2 đang ở với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu H2 và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ gì vợ chồng.

Tại Biên bản ghi lời khai và các thủ tục tố tụng tiếp theo, bị đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày:

Trước khi cưới, anh và chị Nguyễn Thị N có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm rồi tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã N1, huyện A (nay là phường N1, thị xã A). Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ ruột tại đội 2, xóm T, khu vực C, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định. Cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống, chị N cho rằng anh không tâm lý và không quan tâm vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Cuối năm 2017 (âm lịch), vợ chồng cãi nhau nên anh có đánh chị N. Sau đó chị N bỏ đi đến nay không trở về sống chung nữa. Mặc dù anh tha thiết mong chị N quay lại sống chung nhưng chị N không đồng ý. Hiện tại anh vẫn còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Hữu H2, sinh ngày 15/6/2004, hiện nay Cháu H2 đang ở với chị N. Nếu ly hôn, anh cũng đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con nếu chị N yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ gì vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Hữu H. Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Hữu H2, sinh ngày 15/6/2004, hiện nay Cháu H2 đang ở với chị N. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N và anh H về việc giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh H vì chị N không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: chị N, anh H xác định không có nên miễn xét. Về án phí: chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Chị Nguyễn Thị N yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Hữu H ở đội 2, xóm T, khu vực C, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

Anh Nguyễn Hữu H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hữu H đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND xã N1, huyện A (nay là phường N1, thị xã A) nên theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H được pháp luật công nhận.

Hạnh phúc vợ chồng chỉ được duy trì khi cả hai cùng thương yêu, quan tâm chăm sóc, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H cờ bạc, cá độ đá bóng gây nợ nần. Chị có khuyên nhưng bị anh H đánh đập và xúc phạm. Anh H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và anh có đánh chị N. Tuy nhiên, anh H xác định vẫn còn tình cảm với chị N nên yêu cầu đoàn tụ. Qua xác minh tại địa phương nơi hai người sinh sống được mọi người cung cấp vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không chăm lo làm ăn, không quan tâm gia đình. Mặc dù chị N nhiều lần khuyên nhưng anh H không thay đổi mà còn đánh chị.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trước khi cưới, chị N và anh H thông qua mai mối, có thời gian tìm hiểu nhau khoảng một năm và tự nguyện kết hôn là tiền đề cho cuộc hôn nhân hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn. Cả hai vợ chồng đã không dành tình yêu thương và quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Tuy anh H biết chị N cương quyết yêu cầu ly hôn nhưng không tham gia đầy đủ các phiên hòa giải, không tha thiết yêu cầu đoàn tụ để xây dựng lại mái ấm gia đình. Hơn nữa, vợ chồng đã tự chấm dứt cuộc sống chung từ tháng 12/2017 (âm lịch) đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Hữu H2, sinh ngày: 15/6/2004. Hiện nay Cháu H2 đang ở với chị N. Cả chị N và anh H đều thống nhất giao Cháu H2 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh H vì chị N không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng, miễn xét.

[2.4] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Về ý kiến của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Hữu H.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Hữu H2, sinh ngày: 15/6/2004. Hiện nay Cháu H2 đang ở với chị N. Tiếp tục giao cháu Nguyễn

Hữu H2 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh H vì chị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng, miễn xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008880 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Hữu H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND phường N1;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Đảm